

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC
HỆ KHÔNG CHÍNH QUY NĂM 2024, ĐỢT 2**

(Sau khi Phòng Đào tạo, BĐCL và CTSV đã kiểm tra hồ sơ nhập học)

Loại hình: Vừa làm vừa học

Địa điểm đặt lớp: Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế

Ngành: Sư phạm Mỹ thuật

Khối thi: H Kỳ thi ngày: 21,22/12/2024

Kèm theo Quyết định công bố điểm trúng tuyển số 365/QĐ-ĐHNT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐH Nghệ thuật, ĐH Huế

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Đôi trọng	Khu vực	Năm TN Cao đẳng	Ngành Đào	Trường TNCD	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm ƯT	Tổng điểm cộng ƯT	Ghi chú
												Môn 1	Môn 2	Môn 3				
1	HLM030	Trần Thị	Bắc	31/12/1975	Nữ	Hà Tây	7	2	1997	Hội họa	Trường CĐSP TT Huế	8.0	7.0	7.0	22.0	1.25	23.25	
2	HLM031	Trần Thanh	Bính	09/07/1975	Nam	Thừa Thiên Huế	7	2NT	1998	Hội họa	Trường CĐSP TT Huế	8.0	8.5	8.0	24.5	1.5	26.00	
3	HLM032	Phan Ngọc	Bình	29/11/1974	Nam	Quảng Bình	7	2	1999	Mỹ thuật	Trường CĐSP TT Huế	7.0	8.0	8.0	23.0	1.25	24.25	
4	HLM033	Lê Kim	Cương	16/02/1983	Nam	Thừa Thiên Huế	7	2	2007	Sư phạm Mỹ thuật	Trường CĐSP TT Huế	7.0	8.5	7.0	22.5	1.25	23.75	
5	HLM034	Hà	Du	07/06/1968	Nam	Thừa Thiên Huế	7	2NT	1997	Hội họa	Trường CĐSP TT Huế	7.0	8.0	8.0	23.0	1.5	24.50	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Đôi tượng	Khu vực	Năm TN Cao đẳng	Ngành Đào tạo	Trường TCĐSP TT Huế	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Tổng điểm cộng UT	Ghi chú
												Môn 1	Môn 2	Môn 3				
6	HLM035	Lê Công Thành	Đức	21/01/1978	Nam	Thừa Thiên Huế	7	2	2001	Mỹ thuật	Trường CDSP TT Huế	7.0	8.0	7.0	22.0	1.25	23.25	
7	HLM036	Trần Hữu	Đức	01/01/1972	Nam	Thừa Thiên Huế	7	2	1996	Hội họa	Trường CDSP TT Huế	7.5	8.0	6.5	22.0	1.25	23.25	
8	HLM037	Nguyễn Thanh	Hải	03/06/1980	Nam	Thừa Thiên Huế	7	2	2001	Mỹ thuật	Trường CDSP TT Huế	7.0	8.0	6.5	21.5	1.25	22.75	
9	HLM038	Nguyễn Phước Cảnh	Hiền	09/10/1975	Nam	Khánh Hòa	3	2NT	1997	Hội họa	Trường CDSP TT Huế	7.5	8.0	6.5	22.0	2.5	24.50	
10	HLM039	Nguyễn Hùng	Hiếu	07/09/1981	Nam	Hà Tĩnh	7	2NT	2002	Mỹ thuật	Trường CDSP TT Huế	7.0	7.0	7.0	21.0	1.5	22.50	
11	HLM040	Phan Nhật	Hoàng	20/02/1979	Nam	Thừa Thiên Huế	7	2NT	2003	Mỹ thuật	Trường CDSP TT Huế	7.0	8.0	6.5	21.5	1.5	23.00	
12	HLM041	Nguyễn Quang	Hoạt	01/11/1979	Nam	Thừa Thiên Huế	7	2NT	2006	Sư phạm Mỹ thuật	Trường CDSP TT Huế	7.0	7.0	6.5	20.5	1.5	22.00	
13	HLM042	Đỗ Đại Đường	Hùng	21/01/1985	Nam	Tây Ninh	7	2NT	2007	Sư phạm Mỹ thuật	Trường CDSP TT Huế	7.0	8.0	7.0	22.0	1.5	23.50	
14	HLM043	Trần Việt	Long	08/11/1976	Nam	Thừa Thiên Huế	7	2	1997	Hội họa	Trường CDSP TT Huế	7.5	8.5	7.0	23.0	1.25	24.25	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Đổi tượng	Khu vực	Năm TN Cao đẳng	Ngành Đạo	Trường TNCD	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Tổng điểm cộng UT	Ghi chú
												Môn 1	Môn 2	Môn 3				
15	HLM044	Lê Thị Tuyết	Mai	07/11/1970	Nữ	Hà Tĩnh	7	2	2005	Mỹ thuật	Trường CĐSP TT Huế	7.5	6.0	7.0	20.5	1.25	21.75	
16	HLM045	Dương Thị	Ngân	20/07/1981	Nữ	Thừa Thiên Huế	7	2NT	2006	Sư phạm Mỹ thuật	Trường CĐSP TT Huế	7.0	7.0	7.0	21.0	1.5	22.50	
17	HLM046	Bùi Ngọc	Phiến	03/11/1981	Nam	Thừa Thiên Huế	7	2NT	2005	Mỹ thuật	Trường CĐSP TT Huế	7.5	7.5	7.0	22.0	1.5	23.50	
18	HLM047	Hoàng Quốc	Phú	11/04/1980	Nam	Thừa Thiên Huế	7	2	2003	Mỹ thuật	Trường CĐSP TT Huế	7.5	8.0	7.0	22.5	1.25	23.75	
19	HLM048	Đoàn Phước	Phúc	10/03/1978	Nam	Thừa Thiên Huế	3	2NT	2002	Mỹ thuật	Trường CĐSP TT Huế	7.5	8.0	7.0	22.5	2.5	25.00	
20	HLM049	Lê Thị Quế	Phương	24/06/1973	Nữ	Hải Phòng	7	2	1997	Hội họa	Trường CĐSP TT Huế	8.0	8.0	8.0	24.0	1.25	25.25	
21	HLM050	Hoàng Hữu	Sĩ	10/03/1968	Nam	Thừa Thiên Huế	7	1	1998	Hội họa	Trường CĐSP TT Huế	7.5	6.0	6.5	20.0	1.75	21.75	
22	HLM051	Nguyễn Mậu	Thoái	10/03/1974	Nam	Quảng Bình	7	2	1997	Hội họa	Trường CĐSP TT Huế	7.5	8.0	7.0	22.5	1.25	23.75	
23	HLM052	Hoàng Trọng	Thúc	06/09/1972	Nam	Bệnh viện Huế		2	1995	Mỹ thuật	Trường CĐSP TT Huế	7.0	6.0	7.0	20.0	0.25	20.25	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Đối tượng	Khu vực	Năm TN Cao đẳng	Ngành Đào tạo	Trường TCĐSP TT Huế	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Tổng điểm cộng UT	Ghi chú
												Môn 1	Môn 2	Môn 3				
24	HLM053	Trần Hồ	Tiến	14/04/1978	Nam	Thừa Thiên Huế	7	2NT	2001	Mỹ thuật	Trường CĐSP TT Huế	7.5	7.0	6.5	21.0	1.5	22.50	
25	HLM054	Nguyễn Hữu	Trung	21/03/1968	Nam	Thừa Thiên Huế	7	2	1998	Hội họa	Trường CĐSP TT Huế	6.5	8.5	7.0	22.0	1.25	23.25	
26	HLM055	Phan Quốc	Tuấn	22/01/1968	Nam	Thừa Thiên Huế	7	2	2001	Mỹ Thuật	Trường CĐSP TT Huế	8.0	6.0	6.5	20.5	1.25	21.75	
27	HLM056	Đặng	Tuất	20/10/1982	Nam	Thừa Thiên Huế	7	2NT	2006	Sư phạm Mỹ thuật	Trường CĐSP TT Huế	7.5	6.0	7.0	20.5	1.5	22.00	
28	HLM057	Nguyễn Thị Mỹ	Ý	12/09/1972	Nữ	Bình Định	7	2	2001	Mỹ thuật	Trường CĐSP TT Huế	7.0	6.0	7.0	20.0	1.25	21.25	

* Môn 1: Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam; Môn 2: Hình họa; Môn 3: Bô cục

* Tổng điểm = LSMTVN + Hình họa + Bô cục

* Điểm chênh lệch giữa các khu vực là 0.25 điểm và giữa các nhóm đối tượng là 1.0 điểm.

Ấn định danh sách này có **28** thí sinh trúng tuyển.

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 12 năm 2024

CHỦ TỊCH HĐ

HIỆU TRƯỞNG
Đỗ Thị Xuân Dung